

TĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 869 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Bằng "Tổ quốc ghi công"

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giới: S
	Ngày: 20/7/2023

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 02/2020/UBTVQH14, ngày 09 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 46/TTr-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" cho 108 liệt sĩ thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông, các tỉnh: Bắc Giang, Bạc Liêu, Hải Dương, Nghệ An, Thái Bình, Thanh Hóa, Quảng Nam, Quảng Ninh, Quảng Trị, Vĩnh Long, Yên Bái và các thành phố: Đà Nẵng, Hải Phòng, Hồ Chí Minh (danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

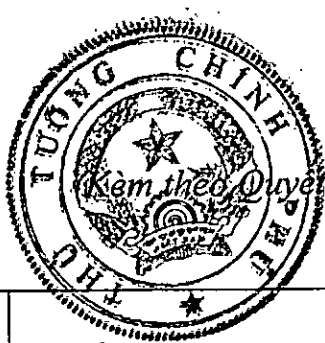
- TTg, PTTg Trần Lưu Quang;
- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Sỹ Hiệp,
TGD Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (2b), LHN (6 b).

KT. THỦ TƯỚNG

PHÓ THỦ TƯỚNG



Trần Lưu Quang



DANH SÁCH CẤP BẰNG “TỔ QUỐC GHI CÔNG”

Kèm theo Quyết định số 869/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	TT	Họ tên	Cấp bậc, chức vụ, đơn vị	Nguyên quán/Trú quán	Ngày hy sinh
1- BỘ CÔNG AN					
1	1.	Đỗ Anh Đào (Đỗ Văn Đào)	Chiến sĩ, Ban An Ninh tỉnh Quảng Đức (nay là Công an tỉnh Đắk Nông)	Xã Liên Hòa, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc	29/3/1975
2- BỘ QUỐC PHÒNG					
2	1.	Nguyễn Văn Đạt	Tiểu đội phó c261/d18/f308/Quân đoàn 1	Xã Túc Thái, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	05/5/1954
3	2.	Phùng Văn Sinh	Hạ sĩ/Tiểu đội phó c1/e233/Quân khu 4	Xã Đồng Tiến, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	25/02/1970
4	3.	Trang Láo	Chiến sĩ e108/Quân khu 5	Xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	27/7/1953
5	4.	Lê Mạnh Đệ	Thượng sĩ/ Tiểu đội trưởng c108	Xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	17/5/1953
6	5.	Nguyễn Đình Phàn	Tiểu đội trưởng e210	Xã Duy Thành, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	15/7/1949
7	6.	Nguyễn Văn Đen	Chiến sĩ huyện đội Tiên Phước	Xã Phước Ngọc, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	15/01/1973
8	7.	Nguyễn Thắng	Trung sĩ, Tiểu đội trưởng huyện đội Tiên Phước	Xã Phước Thạnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	28/3/1972

9	8.	Nguyễn Văn Hải	Hạ sĩ, Chiến sĩ d50, tinh đội Bình Định	Xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định	18/10/1973
10	9.	Trương Văn Năm	Chiến sĩ d70, tinh đội Quảng Nam	Xã Bình Đào, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	30/01/1970
11	10.	Lê Xuân Đức	Chuẩn úy, Trợ lý quân nhu Phòng Hậu cần, F242, Đặc khu Quảng Ninh	Xã Bình Dương, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	06/5/1980
12	11.	Nguyễn Minh Tân	Trung úy/Đại đội phó Vận tải Trường Sơn	Xã Hoài Thanh Tây, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	06/6/1968
13	12.	Nguyễn Văn Phước	Chiến sĩ e1/f9/Quân đoàn 4	Xã Long Trị, huyện Long Mỹ, thành phố Cần Thơ	24/02/1966
14	13.	Nguyễn Minh Sơn	Trung sĩ, Tiểu đội trưởng Cụm Chiến đấu 1, Trung đoàn 152, Quân khu 9	Xã Thạnh An, huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ	06/01/2018
15	14.	Châu Thái Hùng	Tiểu đội phó D52, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Định	Xã Tam An, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam)	29/01/1965
16	15.	Nguyễn Ngọc Hồi	Chiến sĩ d61, Bộ đội chủ lực tỉnh Bắc Giang	Xã Dương Đức, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	1951
17	16.	Mạc Văn Hậu	Chiến sĩ e118, Chiến khu 12 (Trung đoàn Bắc Bắc)	Xã Dương Đức, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	05/5/1953
18	17.	Nguyễn Văn Quế	Chiến sĩ e118, khu 12	Xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	10/1950
19	18.	Nguyễn Văn Nghiệp	Chiến sĩ Chi đội giải phóng quân tỉnh Bắc Giang	Xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	4/1952
20	19.	Lưu Văn Dân	Chiến sĩ c70, d938, e98, Đại đoàn 316	Xã Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	15/11/1953

21	20.	Nguyễn Văn Mai	Chiến sĩ c533, địa phương quân của huyện Yên Thế	Xã Hợp Đức, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	17/12/1952
22	21.	Bùi Thế Mão	Trung đội phó d67, e135	Xã Bắc Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	08/01/1959
23	22.	Nguyễn Văn Đá	Chiến sĩ e118, khu 12	Xã Cương Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	01/1947
24	23.	Lê Văn Tuấn	Chiến sĩ d61 bộ đội chủ lực tỉnh Bắc Giang	Phường Đa Mai, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	8/1954
25	24.	Vũ Văn Mầu	Chiến sĩ c553, địa phương quân huyện Yên Thế	Xã Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	19/3/1952
26	25.	Nguyễn Văn Mùa	Tiểu đội trưởng c553, địa phương quân huyện Yên Thế	Xã Hợp Đức, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	24/10/1953
27	26.	Nguyễn Văn Sâm	Chiến sĩ c553, địa phương quân huyện Yên Thế	Xã Hợp Đức, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	17/12/1952
28	27.	Nguyễn Văn Lén	Chiến sĩ c555, d61, bộ đội chủ lực tỉnh Bắc Giang	Xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	7/1952
29	28.	Phạm Trọng Sáng	Chiến sĩ c399, d89, e36, Đại đoàn 308	Xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	1954
30	29.	Nguyễn Văn Thành	Chiến sĩ c5/d8/e754/ f313, Quân khu 2	Lâm trường Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng (nay là thị trấn Cát Bà), huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng	19/7/1985

31	30.	Nguyễn Công Thành	Trợ lý quân nhu, tỉnh đội Quảng Nam	Xã Kỳ Xuân, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Tam Giang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam)	11/4/1970
32	31.	Nguyễn Văn Lương	Đại đội trưởng H8.000/QK9	Xã Hưng Hiệp, huyện Cái Nước, tỉnh Minh Hải (nay là xã Đông Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau)	1963
33	32.	Nguyễn Văn Thép	Trung đội phó, địa phương quân Cái Nước	Xã Phú Hòa, huyện Cái Nước, tỉnh Minh Hải (nay là xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau)	06/9/1974
34	33.	Cao Xuân Hải	Trung tá QNCH, nhân viên Phòng Thí nghiệm Cơ lý – Thuật phóng Trung tâm Kiểm định đạn dược T265, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	Xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	22/11/2022
35	34.	Nguyễn Kim Tuấn	Đại úy quân nhân chuyên nghiệp, Thợ sản xuất thuốc đen xí nghiệp Bộ lửa liều phóng, Nhà máy Z121	Xã Văn Phú, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	21/6/2022
36	35.	Trần Quyết Định	Thượng úy, Phó thuyền trưởng Tàu 608, Hải đội 811, Lữ đoàn 125, Bộ Tư lệnh Vùng 2, Quân chủng Hải quân	Xã Nghĩa Thành, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	01/11/2021
37	36.	Nguyễn Văn Thanh	Chiến sĩ Tiểu đoàn Bạch Đằng, Tỉnh đội Quảng Yên	Phường Hồng Phong, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	12/9/1953
38	37.	Trần Văn Chấn	Trung đội trưởng Đại đội Hồ Chí Minh	Thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	23/12/1946

				Trú quán: Phố Nguyễn Bình, thị xã Cẩm Phả khu Quảng (nay là Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh)	
39	38.	Bùi Văn Lâm	Chiến sĩ Đại đội 295, tinh đội Kiến An	Xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng	01/1952
40	39.	Hoàng Văn Hiền	Chiến sĩ b27, c96, bộ đội địa phương huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Xã Giao Tân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	09/5/1954
41	40.	Bùi Văn Hàm	Trung đội trưởng, b38, c96, bộ đội địa phương huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Xã Giao Tân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	01/01/1949
42	41.	Ngô Văn Dạ	Chiến sĩ Trung đoàn 42, Quân khu Tả Ngạn	Xã An Hòa, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	9/1949
43	42.	Trần Trung Việt (Mười Việt)	Tiểu đoàn bậc phó, Phòng Tham mưu, Quân khu Sài Gòn – Gia Định	Xã Vĩnh Mỹ A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải; Trú quán: Xã Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	02/5/1973
44	43.	Huỳnh Văn Bảy	Binh nhất, Chiến sĩ T3	Xã Xuân Hiệp, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	1969
45	44.	Nguyễn Xuân Gia	Chiến sĩ c11, e36, f308, quân đoàn 1	Xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	15/01/1951
46	45.	Vũ Văn Biêng	Chiến sĩ Công binh xưởng, e48, Cục Quân giới	Thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	19/3/1950
47	46.	Lê Như Hải	Chiến sĩ Đại đội Trinh sát, tỉnh Nam Định	Thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	25/7/1947

48	47.	Nguyễn Xuân Phong	Đại úy QNCN Lái gạt lu Đại đội 11, Tiểu đoàn 4, Lữ đoàn 543, Quân khu 2	Xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	24/12/2021
49	48.	Nguyễn Hữu Trường	Thiếu tá QNCN, Nhân viên vũ trang Đồn Biên phòng Ba Nang (Đồn BP 621), Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh Quảng Trị	Xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	22/9/2020
50	49.	Nguyễn Văn Thi	Chiến sĩ Đại đội 331, Tinh đội Kiến An	Xã Trường Thọ, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	15/9/1953
51	50.	Ngô Quốc Khánh	Binh nhất, Chiến sĩ Đại đội 5, Tiểu đoàn 17, Sư đoàn 3, Quân khu 1	Xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	05/3/2022
52	51.	Đặng Văn Thường	Binh nhất, Chiến sĩ Đại đội 5, Tiểu đoàn 17, Sư đoàn 3, Quân khu 1	Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	05/3/2022
53	52.	Trần Văn Tình	Hạ sĩ, Chiến sĩ Trung đội 5, Đại đội 2, Tiểu đoàn Công binh, Sư đoàn 330, Quân khu 9	Xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	18/8/2020
54	53.	Tân Lao Sủ	Thượng úy Trung đội trưởng huấn luyện, Tiểu đoàn Huấn luyện – Cơ động/ Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Lai Châu	Xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	24/10/2021
55	54.	Tổng Văn Trung	Thiếu tá Quân nhân chuyên nghiệp, Nhân viên vận động quần chúng, Đồn Biên phòng Pa Ủ (309), Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lai Châu	Xã Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	07/10/2021
56	55.	Hà Đức Kiên	Đại úy QNCN, Mũi 3, Đội 12 CKB, Lữ đoàn 113, Binh chủng Đặc công	Xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ	20/10/2022

57	56.	Nguyễn Hữu Lệ	Thượng sĩ, Trung đội phó c4/d3/e1/f324	Khu phố 5, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	28/02/1968
58	57.	Nguyễn Văn Hương	Chiến sĩ Tiểu đoàn 48, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Ngãi	Xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	30/4/1966
59	58.	Võ Chúc	Tiểu đội trưởng huyện đội Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng	Xã Hòa Phát, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (nay là phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng)	24/12/1952
60	59.	Trịnh Ngọc Sĩ	Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng, Quân khu 5	Xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định	27/7/1961
61	60.	Trần Chính (Trần Chính)	Chiến sĩ d70/e1/f2/QK5	Xã Kỳ Long, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Tam Dân, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam)	13/12/1965
62	61.	Lê Phước An	Thượng úy QNCN/Nhân viên Kiểm soát hành chính kiêm lái xe Đồn Biên phòng Bà Nang (Đồn BP 621)	Xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	19/9/2020
63	62.	Lê Công Mùi	Binh nhất, Cứu thương Đại đoàn 3, Tiểu đoàn 20, KN	Xã Trung Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	22/11/1968
64	63.	Tô Văn Rào	Trung đội trưởng Đại đội 89 công binh Khánh Hòa (thuộc Tinh đội Khánh Hòa)	Xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	10/1971
3 - BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG					
65	1.	Trang Hồng Vinh (Dinh)	Hiệu thính viên, Đài vô tuyến điện Hóc Môn, thuộc huyện đội Hóc Môn, tỉnh đội Gia Định Ninh	Xã Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (nay là xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh)	1953

4- TỈNH BẮC GIANG					
66	1.	Tạ Văn Dũng	Phó Đại đội trưởng chính trị c2/d1/e8/f395	Xã Thường Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	01/11/1981
67	2.	Nguyễn Trọng Mão	Tiểu đội phó/Trung sĩ thuộc P2	Xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	15/10/1974
5- TỈNH BẠC LIÊU					
68	1.	Danh Thành Trung	Thượng úy/Tiểu đoàn phó d212/e689/f5/Mặt trận 479	Long Hải, Giá Rai, Minh Hải (nay là xã Phong Thạnh Đông, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu)	05/4/1983
69	2.	Trần Văn Trên	Trung đội phó địa phương quân huyện Giá Rai	Phong Thạnh Đông, Giá Rai, Minh Hải (nay là xã Phong Thạnh Đông, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu)	21/01/1967
6- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG					
70	1.	Đinh Ngọc Sum	Tiểu đội trưởng liên khu 5	Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (nay là thành phố Đà Nẵng)	15/6/1963
7- TỈNH HẢI DƯƠNG					
71	1.	Hứa Văn Ngũ	Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã	Xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (nay là xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương)	21/02/1947
72	2.	Hoàng Văn Rộng	Bí thư chi bộ Ủy ban kháng chiến hành chính xã	Xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (nay là xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương)	21/02/1947

8 - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG					
73	1.	Phạm Văn Học	Du kích xã Tân Hưng	Xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (nay là Khu dân cư Tiên Hải, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng)	20/4/1952
9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH					
74	1.	Nguyễn Văn Hoàng	Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam	Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	03/5/1981
75	2.	Nguyễn Quý Sang	Chiến sĩ, Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam	Xã Trung Mỹ Tây, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh	10/6/1985
76	3.	Lê Văn Khuê	Công an	Xã Đông Hưng Thuận, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh	23/9/1948
77	4.	Hồ Văn Đục	Liên lạc xã đội	Xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh	1965
78	5.	Nguyễn Văn Xếp	Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam	Xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh	02/4/1969
79	6.	Nguyễn Văn Tạo	Thư ký thanh niên xã	Xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh	1949
80	7.	Nguyễn Đăng Quang	Binh nhất, Chiến sĩ d10/e77/f303	Phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh	20/02/1979
10 - TỈNH NGHỆ AN					
81	1.	Mai Văn Lĩnh	Thương binh tỷ lệ thương tật 91%	Xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	14/4/2022

82	2.	Trần Quốc Tuấn	Thương binh tỷ lệ thương tật 81%	Xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	17/7/2022
83	3.	Trần Văn Lương	Thương binh tỷ lệ thương tật 81%	Xã Đức Tùng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	11/8/2020
11 - TỈNH THÁI BÌNH					
84	1.	Ngô Đăng Liên	Hạ sĩ, Chiến sĩ đơn vị 9401	Xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	19/5/1968
12 - TỈNH THANH HÓA					
85	1.	Vũ Đức Dòng	Thương binh tỷ lệ thương tật 85%	Xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa	19/7/2022
86	2.	Lê Khắc Trường	Thương binh tỷ lệ thương tật 81%	Xã Hoảng Đạt, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	06/10/2021
87	3.	Nghiêm Xuân Thê	Trung sĩ, Tiểu đội phó P2	Xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	27/11/1973
88	4.	Đinh Cao Kỳ	Binh nhất, Chiến sĩ Đại đội Cối, đơn vị 5764 Quân khu 4	Xã Xuân Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	22/9/1967
89	5.	Hoàng Văn Đàn	Binh nhất, Chiến sĩ C16 D73 E280	Xã Hà Ninh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	04/5/1968
90	6.	Nguyễn Văn Bảo	Công nhân phụ lái xe ô tô lâm trường Lang Chánh	Xã Hà Châu, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	07/9/1972
91	7.	Nguyễn Văn Đông	Binh nhì tiểu đội 11, trung đoàn 164, Quân khu 4	Xã Xuân Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	02/3/1967
92	8.	Lê Chí Ái	Chính trị viên đại đội, Dân công hỏa tuyến	Xã Xuân Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	01/01/1960

93	9.	Nguyễn Văn Huy	Binh nhất, Chiến sĩ Ra đa D.130 khu Trần phòng 1, Bộ tư lệnh hải quân	Xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	05/8/1964
94	10.	Nguyễn Hữu Từ	Binh nhất K.T	Xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	15/8/1970
95	11.	Phạm Văn Hùng	Binh nhì, Chiến sĩ Đại đội 66 Sư đoàn 324	Xã Xuân Hưng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	18/7/1966
96	12.	Lê Văn Khích	Binh nhất, Chiến sĩ C3 D5 E812	Xã Xuân Phong, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	24/3/1967
97	13.	Lê Văn Giá	Hạ sĩ, Chiến sĩ D bộ D3 mặt trận B5	Xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	14/3/1971
13 - TỈNH QUẢNG NAM					
98	1.	Huỳnh Kiều	Du kích	Xã Kỳ Bình (nay là xã Tam Thành), huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	19/02/1968
14 - TỈNH QUẢNG NINH					
99	1.	Nguyễn Thành Chung	Đại đội phó, Đại đội 1, Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 88 Sư đoàn 308	Xã Hoàng Quế, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	19/3/1971
15 - TỈNH QUẢNG TRỊ					
100	1.	Nguyễn Kim Xoa	Chiến sĩ dân quân du kích	Xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	10/7/1952
101	2.	Nguyễn Hữu Bồ	Chiến sĩ dân quân du kích	Xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	05/1953
102	3.	Trần Trọng Hưng	Đội viên dân quân du kích	Xã Vĩnh Trung, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	05/9/1948

103	4.	Nguyễn Bình	Chiến sĩ dân quân du kích	Xã Vĩnh Nam, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	09/9/1951
16 - TỈNH VĨNH LONG					
104	1.	Nguyễn Văn Hưng	Phó Trạm gác đồng	Xã Vĩnh Xuân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	10/6/1961
105	2.	Nguyễn Văn Thảo	Tiểu đội bậc trưởng du kích ấp	Xã Vĩnh Xuân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	04/4/1963
106	3.	Nguyễn Văn Cự	Nuôi và chứa cán bộ nắm tình hình điện báo cơ quan	Xã Vĩnh Xuân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	29/11/1967
107	4.	Trần Văn Phi	Tiểu đội trưởng	Xã Hậu Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	19/5/1972
17 - TỈNH YÊN BÁI					
108	1.	Nông Văn Sang	Hạ sĩ, Tiểu đội phó c1/d1/e174, Quân khu Tây Bắc	Xã Đồng Khê, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	29/4/1969